

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HC-ST
Ngày: 30 tháng 10 năm 2017
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 24 – 30/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 29/2017/TLST-HC ngày 08/6/2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐST-HC ngày 07/9/2017, Thông báo dời lịch phiên tòa số 219/TB-TA ngày 19/9/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2017/QĐST-HC ngày 27/9/2017; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà A, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông C – Luật sư Công ty D – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D – Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận (*vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông E – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện C, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện A – ông B; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư C trình bày:

Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện C thu hồi của bà A 15.812,3m² đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I, gồm thửa đất số 6, 7, 8 và 12, mảnh trích đo địa chính số 1, xã K.

Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C hỗ trợ cho bà A 32.096.000đ. Không đồng ý quyết định này, bà A có đơn khiếu nại đến UBND huyện C.

Ngày 30/3/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 658/QĐ-UBND hỗ trợ thêm cho bà A 110.686.000đ.

Tổng cộng, bà A được hỗ trợ 142.782.000đ.

Diện tích 15.812,3m² đất bị thu hồi, UBND huyện C xác định nguồn gốc: do hộ ông N khai phá đất rừng vào năm 2007 để sản xuất nông nghiệp, ông N sử dụng đến năm 2014 thì sang nhượng lại cho ông L, sau đó ông L cho lại bà A sử dụng từ đó đến nay. Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.

Như vậy, đến năm 2007, nếu cho rằng ông L khai phá đất rừng nhưng UBND xã K hay Hạt kiểm lâm huyện C không phản đối gì.

Ngày 14/9/2007, UBND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc “phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007 – 2015” (gọi tắt là Quyết định số 241). Tuy nhiên, cho đến nay, việc tổ chức cắm mốc xác lập ranh giới đất lâm nghiệp và đất ngoài lâm nghiệp tại khu vực thực địa. Bà A cũng như các hộ dân khác không biết ranh giới được cắm mốc nhằm phân định đất rừng và phần ngoài đất rừng.

Đối với “nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6)” với mức hỗ trợ 30% là không phù hợp, gia đình bà A không chấp nhận. Giá trị đền bù (bồi thường) nhà theo quy định phải đạt 100%.

Từ các nội dung trên, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện C” (gọi tắt là Quyết định số 2015); hủy phần xác định đất bà A “lấn chiếm sử dụng”.

2/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện C” (gọi tắt là Quyết định số 2196); hủy phần xác định “đất trồng cây hàng năm không đủ điều kiện bồi thường” và hủy phần “Nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6) mức hỗ trợ 30%”.

3/ Hủy Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C” (gọi tắt là Quyết định số 658).

4/ Yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận đền bù (bồi thường) nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6) mức đền bù 100%.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận diện tích 15.812,3m² đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường; đồng thời tính toán lại tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà A; bà A tự tính là 589.550.500đ. Yêu cầu khởi kiện này, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – ông B và Luật sư C xin rút lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện: “yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C xin lỗi bà A và những người có liên quan trong việc hứa thực hiện công việc trước ngày 15/7/2016 nhưng không thực hiện”. Ông B và Luật sư C trình bày yêu cầu này là không phù hợp, không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này.

Người bị kiện – UBND huyện Ninh Sơn: đại diện theo pháp luật – ông D người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông E, trình bày:

Ông D tại bản trình bày ý kiến ngày 30/6/2017 và ngày 12/9/2017; ông E tại phiên tòa, trình bày:

UBND huyện C thu hồi 15.812,3m² đất hộ bà A đang sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I, gồm thửa đất số 6, 7, 8 và 12, mảnh trích đo địa chính số 1, xã K.

Theo hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND xã K (xác nhận ngày 24/8/2016), đất có nguồn gốc do hộ ông L lấn chiếm thời điểm năm 2007 qua quá trình mua bán chuyển nhượng, bà A được cha mẹ tặng cho năm 2014.

Trên cơ sở xác định hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại Văn bản số 736/SNNPTNT-KH ngày 23/3/2017 của Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận xác định hộ bà A sử dụng các thửa đất số 6, 7, 8 và 12, diện tích 15.812,3m² nằm trong quy hoạch rừng sản xuất.

Căn cứ kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận:

Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;

Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014,... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.

Từ những cơ sở trên, UBND huyện C xác định:

Thửa đất 6, 7, 8 và 12, mảnh trích đo địa chính số 1, diện tích 15.812,3m² đất nằm trong quy hoạch đất rừng, thời điểm sử dụng năm 2007 không đủ điều kiện bồi thường, được xét hỗ trợ bằng mức bồi thường đất. Địa bàn xã K thuộc khu vực Trung du, đơn giá đất rừng sản xuất 7000đ/m² x diện tích đất thu hồi.

Việc bà A yêu cầu hủy Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 và Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C là không có cơ sở chấp nhận. UBND huyện C giữ nguyên các quyết định này.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận tại Thông báo số 181/TB-VPUB ngày 31/5/2017 chỉ đạo rà soát hồ sơ xác định nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất đối với các hộ có đất nằm trong quy hoạch đất rừng, có thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004 và đề xuất hướng giải quyết hài hòa, có lý có tình, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

Thửa đất thu hồi hộ bà A đang sử dụng có nguồn gốc, thời điểm sử dụng từ tháng 3/2004. UBND huyện C đã có báo cáo gửi Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất UBND tỉnh Ninh Thuận hướng giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của người bị kiện là ông D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là ông E có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư C giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như đã trình bày; yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông E yêu cầu Hội đồng xét xử bác các yêu cầu của người khởi kiện. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A; hủy Điều 1 Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, hủy Điều 1 Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016, hủy Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày, ý kiến tranh luận của đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định:

Bà A khởi kiện Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016, Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C tỉnh Ninh Thuận là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và bà A được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc trường hợp: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”*.

[2] Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016, Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh

Thuận bị khiếu kiện. Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016 của UBND huyện C căn cứ Quyết định ủy quyền thu hồi đất số 222/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy đây là trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền thu hồi đất thuộc UBND huyện C. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định UBND tỉnh Ninh Thuận không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bị kiện theo khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Xét các yêu cầu khởi kiện của bà A:

[3] Về hình thức của Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016, Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

Dự án I được trung ương hỗ trợ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 21/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2015 thu hồi **15.812,3m²** đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12, tờ bản đồ địa chính (hoặc trích đo địa chính) số 1, xã K, do hộ bà A đang canh tác, sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C.

Ngày 30/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2196 hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà A (nhà cấp 4C, mái tôn, cột kèo gỗ, rào B40, trụ gỗ) số tiền 32.096.000đ.

Ngày 30/3/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 658 hỗ trợ về đất khi thu hồi cho hộ bà A số tiền 110.686.100đ.

Tổng số tiền hỗ trợ: **142.782.100đ.**

Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 75 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C bị khiếu kiện, được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung của Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

[4] - Đối với yêu cầu hủy Điều 1 Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, của UBND huyện C.

Điều 1 Quyết định số 2015 có nội dung: Thu hồi 15.812,3m² đất của UBND xã K quản lý (do hộ bà A **lấn chiếm sử dụng**), thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12, tờ bản đồ địa chính số 1, tại xã K, huyện C. UBND huyện C xác định 15.812,3m² đất này nằm trong quy hoạch đất rừng do UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ bà A lấn chiếm sử dụng. Bà A không đồng ý với nội dung này và khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Điều 1 Quyết định số 2015.

Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Theo Giấy xác nhận ngày 24/8/2016 của UBND xã K xác nhận: Diện tích 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12

có nguồn gốc do ông L chiếm đất rừng vào **năm 2007** để sản xuất nông nghiệp, ông L sử dụng đến năm 2014 thì sang nhượng lại cho ông M, sau đó ông M cho lại bà A sử dụng cho đến nay. Nhưng theo Danh sách chủ sử dụng đất thu hồi xây dựng Dự án I lập ngày 16/6/2017 thì UBND xã K lại xác nhận đất có nguồn gốc do ông L tự khai phá tháng **3/2004** sử dụng đến năm 2013 chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho bà A, bà A sử dụng từ đó đến nay. Thấy rằng, UBND huyện C chỉ căn cứ vào Giấy xác nhận ngày 24/8/2016 của UBND xã K để khẳng định 15.812,3m² đất là do bà A lấn chiếm sử dụng là không đủ căn cứ. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C sau khi rà soát, xác minh lại nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của 13 hộ dân trong đó có hộ bà A đã xác định lại: *Đất có nguồn gốc do ông L tự khai phá tháng 3/2004 sử dụng đến năm 2013 chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho bà A, bà A sử dụng từ đó đến nay.* Đồng thời, xét thấy, quá trình sử dụng đất bà A sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính gì.

Tại Bản đồ hiện trạng đất trồng, đồi núi trọc huyện C năm 1998 xác định khu đất hộ bà A đang sử dụng thuộc tiểu khu 88b, trên bản đồ được tô màu hồng theo chú thích là *đất trống không có khả năng trồng rừng*, nằm ngoài ranh giới đất thuộc quản lý của lâm trường, như vậy, từ năm 1998 khu vực này không phải là đất rừng.

Theo Kết luận số 3434/KL-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và đất lâm nghiệp đã điều chuyển đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn huyện Ninh Sơn*” thì xã K không có hồ sơ quy hoạch 03 loại rừng, hiện tại hồ sơ lưu giữ tại UBND huyện C cũng bị thất lạc; phần ranh giới tiếp giáp với các huyện phía chân núi đa phần biến động mạnh, từ cột mốc ranh (chỉ có một số ít cột mốc) đến lưng chừng đồi núi toàn là rẫy của dân canh tác, rừng chỉ còn trên các sườn đồi núi đá (trang 5, 6 Kết luận số 3434/KL-UBND). Điều này phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017 của Tòa án. Đối chiếu hồ sơ với thực địa, diện tích 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12, tờ bản đồ địa chính số 1, xã K không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng như UBND huyện C khẳng định.

UBND huyện Ninh Sơn khẳng định 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12 là đất lấn chiếm nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 nhưng quyết định này được ban hành vào năm 2007, trong khi đó, diện tích 15.812,3m² đất như đã nêu trên có nguồn gốc do ông L tự khai phá tháng 3/2004 – trước thời điểm ban hành Quyết định số 241, sau đó chuyển nhượng lại cho bà A sử dụng từ năm 2013. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017, Chủ tịch UBND huyện C cũng đã thừa nhận nội dung này: *Xét thấy, các hộ dân (trong đó có hộ bà A) đã canh tác ổn định trước khi quy hoạch 03 loại rừng và trước thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành.*

Quyết định số 241 của UBND tỉnh Ninh Thuận về rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng được ban hành ngày 14/9/2007, tuy nhiên không kèm theo vị trí tọa độ cụ thể của từng tiểu khu quy hoạch là đất rừng và cho đến nay, trên thực tế vẫn

chưa được cắm mốc, phân khu xác định rõ ranh giới rừng trên thực địa. Tại Báo cáo số 246/BC-CCLN ngày 14/10/2013 của Chi cục lâm nghiệp tỉnh Ninh Thuận có nêu Chi cục lâm nghiệp phối hợp tổ chức cùng các cơ quan hữu quan trong đó có UBND huyện C tiến hành đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để dễ dàng nhận biết ngoài thực địa. Tòa án đã tiến hành xác minh thực địa tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017, trong đó xác định 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8, 12 và các thửa đất khác trong tiểu khu 88b, xã K, trên đất không có cột mốc, không có công trình, vật kiến trúc nào phân định ranh giới rừng ngoài thực địa. Việc cơ quan chuyên môn trình bày có đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để phân định ranh giới rừng nhưng trên thực tế, khi Tòa án đi xem xét, thẩm định đều không thấy dấu vết các vết sơn này.

Từ các nội dung trên, xét thấy, Điều 1 Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016 của UBND huyện C có nội dung xác định 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12, tờ bản đồ địa chính số 1, xã K là đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng, do hộ bà A lấn chiếm sử dụng là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2015, hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*” là có cơ sở chấp nhận.

[5] - Đối với yêu cầu hủy Điều 1 Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận và yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận đền bù (bồi thường) nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6) mức đền bù 100%.

Ngày 30/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2196 trong đó xác định diện tích 15.812,3m² đất là đất trồng cây hàng năm nằm trong quy hoạch đất rừng nên không đủ điều kiện bồi thường, UBND huyện hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà A (nhà cấp 4C, mái tôn, cột kèo gỗ, rào B40, trụ gỗ) số tiền 32.096.000đ; trong đó nhà cấp 4C, giải tỏa 24m² được hỗ trợ 30% giá trị. Bà A không đồng ý và yêu cầu Tòa án hủy nội dung đất không đủ điều kiện bồi thường và nhà cấp 4C hỗ trợ 30% giá trị.

Xét nội dung 15.812,3m² đất không đủ điều kiện bồi thường: Xét thấy, việc UBND huyện C xác định 15.812,3m² đất thuộc thửa số 6, 7, 8 và 12, tờ bản đồ địa chính số 1, xã K là đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng do UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ bà A lấn chiếm, sử dụng là không có căn cứ như đã phân tích trên.

Điều 82 Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;
3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;
4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.

Khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Diện tích 15.812,3m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, căn cứ vào các quy định trên, bà A không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017 như đã trích dẫn trên, Chủ tịch UBND huyện C cũng đã nhận thấy việc không bồi thường về đất đối với hộ bà A là không đúng quy định nên đã xin chủ trương của UBND tỉnh Ninh Thuận để thực hiện việc bồi thường cho hộ bà A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 của UBND huyện C, hủy phần đất trồng cây hàng năm không đủ điều kiện bồi thường là có căn cứ chấp nhận.

*Xét nội dung hồ trợ nhà cấp 4C: Điểm c khoản 2 Điều 21 Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận (căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành) quy định: c) Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này hoặc xây dựng trên đất nông nghiệp mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì không được bồi thường; trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự nguyện tháo dỡ, di dời thì được UBND cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời tối đa **không quá 30%** giá trị thiệt hại về nhà ở, công trình khác.*

Xét thấy, nhà cấp 4C do hộ bà A xây dựng năm 2014, khi xây dựng không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp, mặt khác, qua quá trình sử dụng, nhà cấp 4C đã hao hụt về giá trị và công năng sử dụng. UBND huyện C căn cứ quy định trên để hỗ trợ cho hộ bà A nhà cấp 4C mức hỗ trợ tối đa 30% giá trị thiệt hại về nhà ở, công trình khác là đúng quy định, hợp tình hợp lý. Do đó, yêu cầu của bà A buộc UBND huyện C đền bù (bồi thường) 100% giá trị thiệt hại về nhà cấp 4C là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy phần nhà cấp 4C hỗ trợ 30% quy định tại Điều 1 Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 của UBND huyện C là không có cơ sở chấp nhận.

[6] - Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 658 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

Quyết định số 658 ngày 30/3/2017 của UBND huyện Ninh Sơn hỗ trợ về đất khi thu hồi cho hộ bà A số tiền 110.686.100đ. Bà A cho rằng 15.812,3m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng, 15.812,3m² đất phải được bồi thường chứ không phải được hỗ trợ. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 658 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C do có nội dung hỗ trợ 15.812,3m² đất bị thu hồi mà không bồi thường.

Xét thấy, UBND huyện C trình bày căn cứ Kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận có nội dung:

- *Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;*

- *Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.*

Việc UBND huyện C xác định 15.812,3m² đất bị thu hồi nằm trong quy hoạch đất rừng và chỉ được hỗ trợ với mức giá 7000đ/m² là không đúng quy định của pháp luật như đã phân tích trên. Diện tích 15.812,3m² đất do hộ bà A canh tác bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng và không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy Quyết định số 658 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] - Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận bồi thường 15.812,3m² đất bị thu hồi; đồng thời tính lại tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà A; bà A tự tính là 589.550.500đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – ông B và Luật sư C đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[8] - Đối với yêu cầu khởi kiện: “yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C xin lỗi bà A và những người có liên quan trong việc hứa thực hiện công việc trước ngày 15/7/2016 nhưng không thực hiện”. Xét thấy, đây không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, tại các buổi đối thoại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông B và Luật sư C cũng đề nghị rút yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Từ các nội dung trên, xét thấy, Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016, Quyết định số 658 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận được ban hành đúng hình thức về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, tuy nhiên nội dung chưa đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2015 ngày 21/9/2016, hủy Điều 1 Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 và hủy Quyết định số 658 ngày

30/3/2017, của UBND huyện C là có cơ sở chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với nhà cấp 4C giải tỏa (4x6) mức hỗ trợ 30% là phù hợp pháp luật, yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy phần nhà cấp 4C hỗ trợ 30% quy định tại Điều 1 Quyết định số 2196 ngày 30/9/2016 của UBND huyện C và buộc UBND huyện C bồi thường 100% giá trị nhà là không được chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C về việc bác yêu cầu khởi kiện này của bà A.

[10] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần, bà A không phải chịu án phí. UBND huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 164, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận **một phần** yêu cầu khởi kiện của bà A, tuyên:

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện C*”; hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*”;

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”; hủy cụm từ “*đất trồng cây hàng năm (BHK), không đủ điều kiện bồi thường*”;

- Hủy Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà A về việc:

- Hủy phần “nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6) hỗ trợ 30%” quy định tại Điều 1 Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận bồi thường nhà cấp 4C, giải tỏa (4x6) mức bồi thường 100% giá trị thiệt hại về nhà ở.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận bồi thường cho hộ bà A diện tích 15.812,3m² đất thuộc

thửa số 6, 7, 8 và 12, mảnh trích đo địa chính số 1, xã K, huyện C, tỉnh Ninh Thuận theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà A 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013752 ngày 08/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ngày tuyên án 30/10/2017./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV – THA;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Các đương sự; Người đại diện;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Lập